

BÁO CÁO CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN 30 THÁNG 6 NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên giao dịch: Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)
- Vốn điều lệ: 5.399,6 tỷ đồng.
- Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-024) - 39 333 636.
- Số Fax: (84-024) - 39 336 428.
- Website: www.vietabank.com.vn

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn.

Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Ngân hàng có công ty con phải duy trì tuân thủ yêu cầu về việc tính toán tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất.

Tại thời điểm 30/6/2024, VAB có 01 (một) công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á (AMC - VAB) và không có công ty con thuộc loại hình doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

2. Cơ cấu vốn tự có.

Thành phần chính vốn tự có của VAB bao gồm:

Vốn cấp 1:

- Vốn điều lệ;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Lợi nhuận chưa phân phối....

Vốn cấp 2:

- Các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế;
- 80% dự phòng chung theo quy định NHNN;
- Các khoản nợ thứ cấp...

Bảng 1 – Báo cáo Vốn tự có

Vốn tự có hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu VND

Khoản mục	30/6/2024	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Vốn Cấp 1	8.395.645	8.427.320
Vốn Cấp 2	1.167.854	1.167.854
Các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có	57.272	54.600
VỐN TỰ CÓ	9.506.227	9.540.574

3. Tỷ lệ an toàn vốn.

a. Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn.

VAB đã xây dựng Quy trình tính toán tỷ lệ an toàn vốn tuân thủ theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Bên cạnh đó, VAB đã ban hành quy định về quản lý tỷ lệ an toàn vốn, trong đó quy định chi tiết trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan trong việc nhập, tính toán, rà soát và báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn, cũng như xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn.

b. Kế hoạch vốn.

Nhằm đảm bảo hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, VAB chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn và triển khai các biện pháp kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, xây dựng các giải pháp tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển từng giai đoạn.

Bảng 2 - Báo cáo Tỷ lệ an toàn vốn

Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị tính: Triệu VND, %

Khoản mục	30/6/2024	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
1. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	97.602.795	97.385.485
1.1. Rủi ro tín dụng	97.565.088	97.347.778
1.2 Rủi ro tín dụng đối tác	37.707	37.707
2. Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	340.068	353.166
3. Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	130.841	130.841
4. Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	8,11%	8,15%
5. Tỷ lệ an toàn vốn	9,19%	9,22%

4. Rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng (RRTD) là một trong những rủi ro trọng yếu của Ngân hàng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng vốn của VAB. Nhằm quản lý và giảm thiểu RRTD, VAB luôn chú trọng công tác rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới khung chính sách quản trị RRTD, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, kiểm soát, ngăn ngừa hạn chế rủi ro trong từng nghiệp vụ của hoạt động cấp tín dụng và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN.

Chính sách quản lý RRTD

Sáu tháng đầu năm 2024, NHNN và các Cơ quan nhà nước hữu quan đã ban hành nhiều văn bản sửa đổi, bổ sung có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động tín dụng của Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.

- Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.
- Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.
- Thông tư số 11/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 của Thống đốc NHNN quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp; có hiệu lực từ ngày 12/8/2024.
- Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 Quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.
- Thông tư số 21/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 Quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng; có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.
- Các văn bản khác: Luật đất đai, Luật kinh doanh bất động sản, Luật nhà ở có hiệu lực từ ngày 01/8/2024; kèm theo đó là nhiều Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới Luật cũng đồng thời được ban hành và có hiệu lực phù hợp với hiệu lực của Luật.

Với những thay đổi lớn về chính sách vĩ mô nêu trên, VAB đã tập trung nguồn lực để rà soát và kịp thời sửa đổi, bổ sung, xây dựng văn bản định chế mới đảm bảo tuân thủ và kịp thời hạn hiệu lực của các quy định pháp luật nêu trên. Trong sáu tháng đầu năm 2024, VAB đã xây dựng các văn bản quy định nội bộ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng nhằm đảm bảo phù hợp quy định hiện hành của NHNN và thực tế hoạt động của VAB, điển hình như:

- VAB đã hoàn thiện văn bản mới thay thế Quy định giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng, trong đó cập nhật, điều chỉnh các nội dung liên quan đến kiểm soát giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng (TCTD), thông tư của NHNN (Quyết định số 2504/2024/QĐ-TGD ngày 28/6/2024).
- VAB đã ban hành quyết định và truyền thông tới các Đơn vị về việc gia hạn thời gian áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo đúng tinh thần của Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 (QĐ số 2521/2024/QĐ-TGD ngày 29/6/2024)
- VAB đã xây dựng Quy định về Cung cấp và sử dụng thông tin tín dụng nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN tại Thông tư số 15/2023/TT-NHNN quy định về hoạt động thông tin tín dụng của NHNN cũng như để thống nhất thực hiện trong hệ thống (QĐ số 2174/2024/QĐ-TGD ngày 05/6/2024).

- VAB đã xây dựng văn bản mới thay thế Quy định về Hệ số rủi ro tín dụng và biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng của VAB, đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (QĐ số 1899/2024/QĐ-TGD ngày 18/5/2024).
- VAB cũng đã thực hiện rà soát và xây dựng hoàn thiện các chính sách tín dụng bao gồm quy chế, quy định, quy trình, các quyết định về chính sách tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, đơn giản hóa quy trình thực hiện nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát các rủi ro tín dụng như: Quy chế phê duyệt xử lý nợ (Quyết định (QĐ) số 47/2024/QĐ-HĐQT); Quy chế phê duyệt miễn, giảm lãi, phí (QĐ số 49/2024/QĐ-HĐQT); Quy định cho vay khách hàng ngoài địa bàn (QĐ số 119/2024/QĐ-TGD); Quy định quản lý hồ sơ tín dụng (QĐ số 1520/2024/QĐ-TGD); Quy định về việc nhận diện và cảnh báo sớm rủi ro tín dụng (QĐ số 469/2024/QĐ-TGD); Quy trình nhận, quản lý và giải chấp Tài sản bảo đảm (Quy trình số 1305/2024/QT-TGD); ...

VAB luôn chú trọng công tác truyền thông quy định mới đến các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống, đảm bảo các cá nhân, đơn vị cập nhật kịp thời các quy định mới và vận dụng vào quy trình tác nghiệp. Đồng thời, nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh liên quan hoạt động cấp tín dụng, VAB đã xây dựng tài liệu và tổ chức triển khai các khóa đào tạo về kiểm soát rủi ro tín dụng cho toàn thể cán bộ/chuyên viên Quan hệ khách hàng trên toàn hệ thống.

Trong sáu tháng đầu năm 2024, VAB tiếp tục thực hiện chiến lược quản lý RRTD theo hướng thận trọng, tuân thủ theo các giới hạn, chỉ tiêu khẩu vị rủi ro tín dụng của VAB, quy định của NHNN và quy định của pháp luật có liên quan. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nợ, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro; nhận diện, theo dõi, đánh giá và kịp thời báo cáo, đề xuất các biện pháp xử lý nhằm hạn chế rủi ro đối với các loại giao dịch, sản phẩm, dịch vụ tín dụng.

Chính sách quản lý RRTD đã nêu các bước thực hiện quản lý RRTD cơ bản gồm: nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát và báo cáo RRTD.

- a. Nhận dạng: nhận dạng đầy đủ RRTD, nguy cơ gây ra rủi ro và xác định nguyên nhân gây ra rủi ro.
- b. Đo lường: đo lường kịp thời và chính xác mức độ rủi ro bằng các phương pháp, mô hình (bao gồm cả hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ) trên cơ sở xác định tác động ngắn hạn, dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, tỷ lệ an toàn và khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của VAB.
- c. Theo dõi: thường xuyên theo dõi trạng thái rủi ro và đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm các hạn mức rủi ro, hạn chế để đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng.

- d. Kiểm soát: kiểm soát trạng thái RRTD thực tế nhằm tuân thủ giới hạn cấp tín dụng, hạn mức RRTD theo quy định của pháp luật, của NHNN và của VAB. Có các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời các rủi ro để đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro, các hạn chế nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này.
- e. Báo cáo: thực hiện báo cáo thông tin kịp thời, đầy đủ về trạng thái RRTD, về hiệu quả các biện pháp kiểm soát RRTD cho cấp có thẩm quyền và các bên có liên quan theo quy định của VAB để có quyết định phù hợp, hạn chế RRTD và nâng cao hiệu quả công tác quản lý RRTD tại VAB.

Bảng 3 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo kết quả Xếp hạng tín nhiệm
Báo cáo tài sản tính theo RRTD theo xếp hạng tín dụng

Đơn vị tính: Triệu VND

Kỳ hạn gốc	Kết quả xếp hạng	Trọng số rủi ro	30/6/2024	
			Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
TCTD trong nước: Các khoản phải đòi có kỳ hạn ban đầu từ 03 tháng trở lên	AAA đến AA-	20%	0	-
	A+ đến BBB-	50%	0	-
	BB+ đến BB-	80%	0	-
	B+ đến B-	100%	58.694	58.694
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	507.389	507.389
TCTD trong nước: Các khoản phải đòi có kỳ hạn ban đầu dưới 03 tháng	AAA đến AA-	10%	-	-
	A+ đến BBB-	20%	1	1
	BB+ đến BB-	40%	27.903	27.903
	B+ đến B-	50%	236.181	236.181
	Dưới B- và không có xếp hạng	70%	297.028	297.028
Chính phủ, Ngân hàng TW các nước	AAA đến AA-	0%	-	-
	A+ đến BBB-	20%	-	-
	BB+ đến BB-	50%	-	-
	B+ đến B-	100%	-	-
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	-	-
Tổ chức tài chính nước ngoài (bao gồm cả tổ chức tín dụng nước ngoài)	Dưới B- và không có xếp hạng	20%	4	4
	A+ đến BBB-	50%	182	182
	BB+ đến BB-	100%	-	-
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	3.121	3.121

Bảng 4 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo đối tượng tại Điều 9 TT 41/2016/TT-NHNN
Tổng tài sản có tính theo rủi ro tín dụng

Đơn vị tính: Triệu VND

Tài sản là khoản phải đòi	30/6/2024	
	Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
Tiền mặt, vàng và các khoản tương đương tiền mặt	-	-
Khoản phải đòi chính phủ	-	-
Chính phủ Việt Nam	-	-
VAMC/DATC	-	-
Chính phủ Nước Ngoài	-	-
Khoản phải đòi định chế tài chính	8.611.282	8.611.282
Tổ chức tài chính quốc tế	-	-
Tổ chức tài chính nước ngoài	41.342	41.342
Tổ chức tài chính trong nước	8.569.940	8.569.940
Khoản phải đòi doanh nghiệp	49.113.595	49.113.595
Doanh nghiệp thông thường	28.603.881	28.603.881
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	20.509.714	20.509.714
Khoản phải đòi bán lẻ	225.081	225.081
Khoản phải đòi thế chấp Bất động sản	33.247.666	33.247.666
Bất động sản (BDS) kinh doanh	33.123.067	33.123.067
BDS không kinh doanh	119.624	119.624
Thế chấp nhà	4.975	4.975
Các khoản phải đòi khác theo TT41	2.344.361	1.598.369
Kinh doanh chứng khoán	861.960	115.968
Cho vay chuyên biệt	1.482.401	1.482.401
Kinh doanh BDS	-	-
Mua bán khoản phải thu	-	-
Mua bán nợ xấu	-	-
Cho thuê tài chính	-	-
Nợ xấu	1.801.219	1.810.454
Tài sản khác	2.221.884	2.741.332
Tổng	97.565.088	97.347.778

Bảng 5 – Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác
Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng đối tác

Đơn vị tính: Triệu VND

Khoản mục	Thời điểm 30/6/2024	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Giao dịch tự doanh		
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	0	0
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	37.707	37.707
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác quy định tại mục d khoản 32 Điều 2 Thông tư 41		
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	37.707	37.707

Bảng 6 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo ngành nghề kinh doanh
Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	30/6/2024	
		Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	902.395	902.395
2	Khai khoáng	1.547.631	1.547.631
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.243.469	1.253.712
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	2.110.449	2.110.449
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	3.915	3.915
6	Xây dựng	12.496.524	12.496.524
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	1.424.064	1.424.064
8	Vận tải kho bãi	1.114.244	1.114.244
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.321.696	1.321.696
10	Thông tin và truyền thông	6.972	6.972
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	8.689.769	8.692.769
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.883.430	3.883.430
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	516	516
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	381	381
15	Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	-
16	Giáo dục và đào tạo	105	105
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.110	2.110

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	30/6/2024	
		Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	73.894	73.894
19	Hoạt động dịch vụ khác	58.556.482	57.806.482
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	2.288.141	2.288.141
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-
Tổng cộng		95.666.187	94.929.431

Bảng 7 – Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu (Riêng lẻ)

Đơn vị tính: Triệu VND

Khoản mục	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (30/06/2024)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Tiền mặt, vàng, các khoản tương đương	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi chính phủ	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi định chế tài chính	14.131.282	-	9.278.539	-	-	8.611.282
Khoản phải đòi doanh nghiệp	49.445.232	184.495	16.626	-	-	49.113.595
Khoản phải đòi bán lẻ	452.931	546.875	427.625	-	-	225.081
Khoản phải đòi đảm bảo bằng BĐS	33.252.617	3.320	200	-	-	33.247.666
Khoản cho vay chuyên biệt	2.644.047	199.791	-	-	-	2.344.361
Nợ xấu	1.801.219	-	-	-	-	1.801.219
Tài sản khác	3.443.012	394.095	1.127.271	-	-	2.221.884
Tổng cộng	105.170.340	1.328.576	10.850.261	-	-	97.565.088

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu VND

Khoản mục/ Items	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (30/06/2024)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Tiền mặt, vàng, các khoản tương đương	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi chính phủ	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi định chế tài chính	14.131.282	-	9.278.539	-	-	8.611.282
Khoản phải đòi doanh nghiệp	49.445.232	184.495	16.626	-	-	49.113.595
Khoản phải đòi bán lẻ	452.931	546.875	427.625	-	-	225.081
Khoản phải đòi đảm bảo bằng BĐS	33.252.617	3.320	200	-	-	33.247.666
Khoản cho vay chuyên biệt	1.898.055	199.791	-	-	-	1.598.369
Nợ xấu	1.810.454	-	-	-	-	1.810.454
Tài sản khác	3.962.460	394.095	1.127.271	-	-	2.741.332
Tổng cộng	104.953.031	1.328.576	10.850.261	-	-	97.347.779

5. Rủi ro hoạt động.

5.1. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động.

VAB đã ban hành các quy chế, chính sách về rủi ro hoạt động (RRHD), trong đó đưa ra chiến lược, xác lập các nguyên tắc về quản lý rủi ro, cung cấp các công cụ, đưa ra nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ nhằm ngăn chặn, phòng tránh rủi ro hoạt động, giảm thiểu tổn thất xảy ra. Rủi ro hoạt động luôn được đánh giá là một trong những rủi ro trọng yếu của ngân hàng.

a. Chiến lược và mục tiêu trong công tác quản lý rủi ro hoạt động của ngân hàng đó là:

- Tạo khuôn khổ cho công tác quản trị rủi ro hoạt động tại VAB theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của VAB.
- Xác lập các nguyên tắc, cung cấp các công cụ, hướng dẫn cách xác định, đo lường, đánh giá và các biện pháp ứng xử, giám sát, kiểm soát nhằm ngăn chặn, phòng tránh rủi ro hoạt động, giảm thiểu tổn thất (nếu có) và tối ưu hóa lợi nhuận cho Ngân hàng.
- Quy định vai trò, trách nhiệm của các Đơn vị liên quan trong cơ cấu tổ chức và quản trị rủi ro hoạt động của Ngân hàng; đưa ra định hướng rõ ràng và cách thức ứng xử giữa các bên trong công tác quản trị rủi ro hoạt động.

b. Công tác triển khai, thực thi các chính sách RRHĐ.

- Cơ cấu tổ chức quản trị RRHĐ theo mô hình "Ba tuyến phòng thủ", dựa trên nguyên tắc đảm bảo sự phân tách chức năng kinh doanh với chức năng quản trị rủi ro và chức năng đánh giá độc lập.

Trong đó :

- + Tuyến phòng thủ thứ nhất là các Đơn vị kinh doanh, Khối kinh doanh trực tiếp có trách nhiệm chủ động nhận diện, đánh giá, có phương án giảm thiểu và quản lý rủi ro, xử lý và báo cáo rủi ro trong tất cả các hoạt động nghiệp vụ của mình. Trưởng Đơn vị là người chịu trách nhiệm đầu tiên và cao nhất trong việc kiểm soát RRHĐ tại Đơn vị.
- + Tuyến phòng thủ thứ hai là Đơn vị quản lý rủi ro, giám sát tuân thủ, chịu trách nhiệm xây dựng Chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản lý rủi ro, các công cụ và hệ thống đo lường quản trị rủi ro, thiết kế triển khai các chương trình đánh giá rủi ro hoạt động, phối hợp với tuyến phòng thủ thứ nhất trong việc thực hiện nhận dạng, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro và thực hiện việc tuân thủ quy định pháp luật.
- + Tuyến phòng thủ thứ ba là Đơn vị Kiểm toán nội bộ, chịu trách nhiệm đánh giá độc lập về hiệu quả triển khai công tác quản trị rủi ro hoạt động, đánh giá tính tuân thủ, tính thích hợp, mức độ đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Sáu tháng đầu năm 2024, VAB đã tích cực triển khai công tác quản lý RRHĐ, cụ thể các hoạt

động sau:

- + VAB đã ban hành bổ sung, chỉnh sửa các quy trình/quy định liên quan đến công tác quản lý RRHĐ điển hình như: rà soát/điều chỉnh bộ công cụ giám sát thường xuyên, hướng dẫn nhận diện dấu hiệu nghi ngờ gian lận đối với tài khoản thanh toán nhằm cụ thể hóa việc áp dụng và triển khai chính sách và chiến lược quản lý RRHĐ của VAB; Tạo khuôn khổ cho công tác quản trị RRHĐ theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, tuân thủ quy định của NHNN và phù hợp với điều kiện thực tế của Ngân hàng.
- + Để tổ chức hoạt động quản lý RRHĐ một cách khoa học, hiệu quả, VAB luôn chú trọng triển khai vận hành phần mềm quản lý RRHĐ nhằm tạo cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phân tích, nhận diện rủi ro, giảm thiểu rủi ro hoạt động. Chủ động nhận diện và ngăn ngừa RRHĐ đặc biệt là rủi ro về gian lận, giả mạo trong giao dịch điện tử thông qua việc xây dựng và triển khai công cụ cảnh báo giao dịch bất thường trên kênh ngân hàng số, từ đó thực hiện ngăn chặn hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh.
- + Triển khai công cụ phân tích chỉ số rủi ro chính KRI: theo dõi, kiểm soát, giám sát mức độ biến thiên của các chỉ tiêu đã thiết lập trong quy định hạn mức RRHĐ tại VAB, báo cáo, phân tích, đánh giá và có biện pháp kiểm soát kịp thời khi các chỉ tiêu chạm ngưỡng cảnh báo theo quy định.

- + Thực hiện thu thập các sự kiện bất ngờ, dữ liệu tổn thất để kịp thời có biện pháp khắc phục/hạn chế tổn thất có thể xảy ra, đề xuất các biện pháp nhằm ngăn chặn, tránh lặp lại các sự cố tương tự trên toàn hệ thống.
- + Thực hiện công tác giám sát thường xuyên Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống đối với các nghiệp vụ trọng yếu, kịp thời phát hiện các sai phạm, đưa ra các kiến nghị xử lý cán bộ sai phạm nhằm đảm bảo tính rắn đe và nâng cao ý thức tuân thủ, hạn chế vi phạm, ngăn ngừa rủi ro cho hệ thống.
- + Thiết lập và phát triển văn hóa quản lý RRHĐ nhất quán trên toàn hệ thống: triển khai các khóa đào tạo trực tiếp về quản lý RRHĐ trên toàn hệ thống; ban hành các chỉ thị, bảng tin, cảnh báo về RRHĐ nhằm tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và văn hóa quản trị rủi ro, đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên của VAB đều hiểu biết và có nhận thức rõ ràng về RRHĐ và quản lý RRHĐ.
- Hệ thống hóa chế độ thông tin và các báo cáo về quản lý RRHĐ. Tổng hợp, đánh giá, phân tích nguyên nhân, đưa ra các hành động và đề xuất thay đổi quy trình liên quan để giảm thiểu lỗi trên toàn hệ thống phù hợp với khẩu vị rủi ro mà Ủy ban Quản lý rủi ro và Hội đồng Rủi ro phê duyệt.

5.2. Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục.

- VAB luôn xem việc duy trì hoạt động kinh doanh liên tục là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý RRHĐ, với mục tiêu đảm bảo khả năng ứng phó, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng vẫn được duy trì trước các sự cố xảy ra đối với ngân hàng như các sự cố về dịch bệnh, thiên tai...
- VAB đã xây dựng quy định quản lý đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, quy trình xử lý sự cố công nghệ thông tin khẩn cấp nhằm ứng phó với sự cố/tình huống gây gián đoạn hoạt động của ngân hàng. Đồng thời, VAB truyền thông tới cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống về quy trình báo cáo sự cố nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường công tác phối hợp xử lý sự cố giữa các phòng ban trong trường hợp phát sinh sự cố. Ngoài ra, VAB đã xây dựng các kịch bản ứng phó cụ thể đối với các sự cố khủng hoảng nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng: thiết lập ma trận thông tin xử lý sự cố, lập kịch bản kế hoạch dự phòng về nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin, địa điểm hoạt động để có kế hoạch duy trì hoạt động liên tục một cách hiệu quả.

Bảng 8 – Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Đơn vị tính: Triệu VND

Cấu phần	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	1/1/2024- 31/3/2024	1/1/2023- 31/12/2023	1/1/2022- 31/12/2022	1/4/2021- 31/12/2021	1/1/2024- 31/3/2024	1/1/2023- 31/12/2023	1/1/2022- 31/12/2022	1/4/2021- 31/12/2021
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.852.395	8.851.558	5.797.108	4.227.061	1.852.395	8.851.558	5.797.026	4.227.084
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	1.312.945	7.042.057	4.310.779	2.927.685	1.312.910	7.042.015	4.307.489	2.918.698
Cấu phần lãi (IC)	539.450	1.809.501	1.486.329	1.299.376	539.486	1.809.544	1.489.537	1.308.386
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	14.639	70.837	68.506	35.507	23.336	109.798	105.667	60.318
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	8.538	33.141	32.744	23.084	8.597	33.212	32.868	23.255
Thu nhập hoạt động khác	24.518	161.422	328.083	216.237	61.859	208.032	364.793	235.077
Chi phí hoạt động khác	280	8.833	6.676	5.822	280	8.834	6.777	5.822
Cấu phần dịch vụ (SC)	47.976	274.232	436.008	280.651	94.073	359.876	510.105	324.472
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	9.755	6.212	9.724	13.927	9.755	6.212	9.724	13.927
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0	-182	54.755	0	0	-182	54.755
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	17.421	410.371	42.273	55.240	17.421	410.371	42.273	55.240
Cấu phần ngoại hối (FC)	27.176	417.924	58.823	123.922	27.176	417.924	58.823	123.922
Chi bảo hiểm và tái bảo hiểm tài sản của ngân hàng	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/lỗ thuần do ngừng ghi nhận tài sản tài chính không được đánh giá theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0

Cấu phần	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	1/1/2024- 31/3/2024	1/1/2023- 31/12/2023	1/1/2022- 31/12/2022	1/4/2021- 31/12/2021	1/1/2024- 31/3/2024	1/1/2023- 31/12/2023	1/1/2022- 31/12/2022	1/4/2021- 31/12/2021
Lãi/lỗ thuần do ngừng ghi nhận tài sản phi tài chính, nợ phải trả không được đánh giá theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0
Giá trị âm của lợi thế thương mại đã được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0
Khoản mục bị loại trừ	0	0	0	0	0	0	0	0
Chỉ số kinh doanh (BI)	614.603	2.501.657	1.981.160	1.703.948	660.735	2.587.343	2.058.465	1.756.780
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động		340.068				353.166		

6. Rủi ro thị trường.

Rủi ro thị trường (RRTT) là một trong những rủi ro trọng yếu của Ngân hàng. Mặc dù, hiện tại tỷ trọng Tài sản có rủi ro thị trường trong tổng Tài sản có rủi ro của Ngân hàng khá nhỏ nhưng VAB luôn chú trọng xây dựng, hoàn thiện các chính sách, công cụ theo dõi, kiểm soát, đo lường rủi ro thị trường phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh, đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng và tuân thủ các quy định của NHNN và các chuẩn mực về quản lý rủi ro.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

- VAB xây dựng chính sách dựa trên các nguyên tắc quản lý RRTT, chức năng – nhiệm vụ giám sát của quản lý cấp cao và của ba tuyến bảo vệ, nguyên tắc về công tác quản lý RRTT nhằm giới hạn tổn thất liên quan ở mức hợp lý theo khả năng chịu đựng rủi ro của VAB. Ngoài ra, chính sách giúp công tác quản lý RRTT hiệu quả, nhất quán với chiến lược kinh doanh và các mục tiêu quản lý rủi ro khác.
- VAB quy định trạng thái RRTT của sổ kinh doanh phải thực hiện phòng ngừa RRTT đối với các giao dịch tự doanh phù hợp với định hướng hoạt động từng thời kỳ và diễn biến thị trường để phòng ngừa rủi ro khi có những biến động bất lợi về lãi suất, tỷ giá.
- VAB thực hiện theo dõi việc tuân thủ các hạn mức RRTT hàng ngày để đánh giá và thực hiện điều chỉnh (nếu có) các hạn mức phù hợp với diễn biến thị trường, khả năng chịu rủi ro và định hướng kinh doanh của Ngân hàng từng thời kỳ.
- Với chiến lược quản lý rủi ro, các phương pháp, công cụ đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro cũng như hệ thống báo cáo nội bộ, công tác quản lý RRTT tại VAB được vận hành một cách chặt chẽ và hiệu quả.
- Ngân hàng ban hành hướng dẫn phân định về sổ kinh doanh – sổ ngân hàng cho từng loại tài sản, nguyên tắc quản lý thống nhất, phù hợp với quy định của NHNN.

Tại thời điểm 30/6/2024, VAB không có vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro quyền chọn do danh mục sổ kinh doanh của Ngân hàng không bao gồm các hoạt động kinh doanh có phát sinh các rủi ro này. Hiện tại, danh mục sổ kinh doanh của VAB có phát sinh rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối (bao gồm vàng).

Bảng 9 – Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

Báo cáo vốn yêu cầu cho RRTT riêng lẻ/hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	Vốn cho rủi ro chung	Vốn cho rủi ro cụ thể	Tổng
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	5.298	125.543	130.841
Rủi ro lãi suất	5.298	-	5.298
Rủi ro giá cổ phiếu	-	-	-
Rủi ro giá hàng hóa	-	-	-
Rủi ro ngoại hối	-	125.543	125.543

Trân trọng báo cáo./.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC *Chub*

 *[Signature]*

Nguyễn Văn Trọng

[Red circular stamp]

